TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2020/HS-PT
Ngày 12-3-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Giang

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Hà

Bà Nguyễn Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Hồ Ngọc Trường - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 79/TLPT-HS ngày 14 tháng 01 năm 2020 đối với các bị Nguyễn Đức D, Trần Thị Đ, Phạm Thị Xuân M và Phạm Thị Thùy Tr do có kháng cáo của các bị cáo D, Đ, M và Tr đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 216/2019/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Đức D, sinh năm 1992, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Thường trú: 11/110 đường T, Phường P, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 28A1 Tổ K, Khu phố B, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Huấn luyện thể hình; Con ông Nguyễn Văn Ph và bà Trần Thị Đ; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

2. Trần Thị Đ, sinh năm 1963 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nữ; Thường trú: 11/110 đường T, Phường P, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 28A1 Tổ K, Khu phố B, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ văn hóa: 5/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần Văn Ch (chết) và bà Nguyễn Thị L (chết);

Hoàn cảnh gia đình: Có chồng tên Nguyễn Văn Ph và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

1/Tại Bản án số 25/HSST ngày 23/12/1997 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng.

2/Bản án số: 64/2009/HSST ngày 06/5/2009 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 34 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

3. Phạm Thị Xuân M, sinh năm 1964 tại Hà Nội; Giới tính: Nữ; Thường trú: 162 đường T, phường H, quận Đ, Thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Số 2A LHK, Phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Nội trợ; Con ông Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị L; Hoàn cảnh gia đình: Có chồng tên Nguyễn Đức T, có 03 con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

1/Tại Bản án số 117/HSST ngày 25/5/1982 của Tòa án nhân dân Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội xử phạt 10 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân".

2/Tại Bản án số 218/2012/HSST ngày 11/9/2012 bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp , Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy";

Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

4. Phạm Thị Thùy Tr, sinh năm 1976 tại Bình Phước; Giới tính: Nữ; Thường trú: Ấp 5B, xã L, huyện N, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở: 1071 LĐT, Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Nội trợ; Con ông Phạm Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; Hoàn cảnh gia đình: Có chồng tên Châu Tấn L (đã ly hôn) và có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Bản án số 16/2012/HSST ngày 09/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xử phạt 06 tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

Ngoài ra còn có bị cáo: Nguyễn Minh T không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 02/2019, Trần Thị Đ mua của D (chưa rõ lai lịch) trang mạng sgd777.com với giá 20.000.000 đồng, do Đ không biết sử dụng máy tính nên giao lại trang mạng sgd777.com và mật khẩu đăng nhập "ml03", mật khẩu "797979" cho Nguyễn Đức D là con ruột quản lý, và ghi cược cho con bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức xóc dĩa.

Khoảng 09 giờ 15 phút ngày 06/6/2019, D mở máy tính kết nối mạng internet tại địa chỉ số 28A1 tổ K khu phố B, phường T, Quận H, để Phạm Thị Thùy Tr, Phạm Thị Xuân M và Nguyễn Minh T tham gia đặt cược tiền vào trò chơi xóc đĩa mở trực tiếp trên mạng Internet do D trực tiếp thắng thua tiền với các người chơi. Hình thức chơi xóc đĩa được tiến hành như sau: D sử dụng địa chỉ trang mạng sgd777.com, tên đăng nhập "ml03", mật khẩu "797979" do Đ cung cấp (Đ có được từ một người tên D, chưa rõ lai lịch) để đăng nhập vào và chọn hình thức "*Chơi xóc đĩa*". Do tiền thắng thua trên trang mạng được tính bằng tiền Đôla Mỹ (USD) nên D tự qui ước với các đối tượng đánh bạc là 01 (một) USD tương đương 20.000 đồng tiền Việt Nam. (D chuẩn bị số tiền đánh bạc là 15.000.000 đồng).

Sau khi D đăng nhập vào trò xóc đĩa qua mạng Internet, màn hình máy tính sẽ hiện ra hình ảnh một phụ nữ sử dụng bộ dụng cụ xóc đĩa (gồm đĩa, chén và 04 quân vị hình tròn có hai mặt gồm 01 mặt màu xanh và 01 mặt màu đỏ). Khi người phụ nữ này đặt 04 quân vị trên vào trong đĩa, dùng chén đậy kín lại rồi dùng tay xóc mạnh nhiều lần xong để bộ dụng cụ xóc đĩa này lên bàn. Lúc này, D có thời gian là 30 giây để thu tiền cược vào ô đặt cược của các đối tượng đánh bạc tham gia. Số tiền đặt cược tối thiểu mỗi ván là 05 USD (tương đương 100.000 tiền Việt Nam). Sau đó, D nhập lệnh vào máy tính tương ứng với số tiền đặt cược với ô đặt cược của các con bạc rồi đợi kết quả xóc đĩa của máy tính là chẵn hay lẻ để trực tiếp thắng thua tiền với các đối tượng đánh bạc thì bị bắt quả tang với tổng số tiền là 15.940.000 đồng và số tiền thu giữ không liên quan đến hành vi đánh bạc là 13.540.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 12, các bị cáo khai nhận, cụ thể như sau:

- Trần Thị Đ khai nhận khoảng tháng 02/2019, Trần Thị Đ nhận địa chỉ trang mạng sgd777.com, tên đăng nhập "ml03", mật khẩu "797979" từ một người tên D1 (chưa rõ lai lịch), sau đó đưa địa chỉ trang mạng, tên đăng nhập và

mật khẩu trên cho Nguyễn Đức D quản lý và ghi cược cho đối tượng đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa. Đ có nhiệm vụ cảnh giới, nếu phát hiện cơ quan Công an kiểm tra thì Đ lớn tiếng kêu D tắt máy đồng thời chạy đến đóng cửa nhà để D có điều kiện tắt máy tính với vai trò cảnh giới sòng bạc xóc đĩa trên, không trực tiếp quản lý tiền. Thông qua việc đánh bạc, Đ và D thu lợi khoảng 800.000 đồng/ngày, D chia cho Đ khoảng 400.000 đồng/ngày. Tính đến thời điểm bị bắt là ngày 06/6/2019, D đã thu lợi được số tiền khoảng 16.000.000 đồng, D đã chia cho Đ số tiền khoảng 8.000.000 đồng. Số tiền này D và Đ đã tiêu xài hết.

- Nguyễn Đức D sử dụng số tiền là 15.000.000 đồng để đánh bạc (trực tiếp thắng thua tiền với các đối tượng đánh bạc đặt cược cho D). Tại thời điểm bắt quả tang thu giữ của D số tiền là 15.900.000 đồng (do D đã thắng cược của Tr số tiền 200.000 đồng, 600.000 đồng của M và 100.000 đồng của T đã đặt cược nhưng chưa có kết quả thắng hay thua.

- Phạm Thị Thùy Tr mang theo số tiền là 200.000 đồng để đánh bạc, Tr đã đặt cược 02 ván vào ô lẻ, mỗi ván 5 USD (tương đương 100.000 đồng), nhưng kết quả 02 ván này đều ra chẵn nên D đã thắng của Tr số tiền là 10 USD (tương đương 200.000 đồng), sau khi đã thua hết tiền thì Tr nghỉ và ngồi xem.

- Phạm Thị Xuân M mang theo số tiền 13.540.000 đồng, sử dụng số tiền là 600.000 VNĐ để đánh bạc, M đặt cược 01 ván với số tiền là 30 USD (tương đương số tiền 600.000 đồng) vào ô chẵn, D đã nhận số tiền 600.000 đồng của M, nhập lệnh vào máy tính, đang đợi kết quả thì bị Công an bắt quả tang.

Tại Bản án số: 216/2019/HS-ST ngày 28-11-2019 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã Quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 321; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Đ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Xuân M 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thùy Tr 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Ngoài ra Bản án còn tuyên hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo Nguyễn Minh T cùng về tội "Đánh bạc", về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 03/12/2019, các bị cáo Nguyễn Đức D, Trần Thị Đ, Phạm Thị Thùy Tr kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Thị Xuân M kháng cáo đề nghị xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện xét thấy tổng số tiền thu tại chiếu bạc là 15.940.000 đồng nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung về số tiền này và tình tiết định khung tăng nặng sử dụng mạng internet, thiết bị điện tử để phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo theo khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, mức hình phạt là thỏa đáng. Do đó đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm. Ngoài ra, việc cấp sơ thẩm áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là không phù hợp, bởi lẽ hành vi đánh bạc không thuộc trường hợp "phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn" nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không áp dụng tình tiết này đối với các bị cáo.

Các bị cáo không tự bào chữa và không tham gia tranh luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đức D, Trần Thị Đ, Phạm Thị Xuân M và Phạm Thị Thùy Tr về nội dung quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an Quận 12, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, kiểm sát viên, Tòa án nhân dân Quận 12, Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sở thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức D nộp đơn xin hoãn phiên tòa và xin được trưng cầu giám định tâm thần, sức khỏe và năng lực hành vi dân sự nhưng

tại phiên tòa, bị cáo khai bản thân không có vấn đề gì về tinh thần và sức khỏe, đơn xin giám định là của mẹ bị cáo tức bị cáo Đ. Bị cáo Đ không có ý kiến và không cung cấp được bệnh án thể hiện bản thân bị cáo có vấn đề về sức khỏe và tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn xin hoãn phiên tòa và đơn xin trưng cầu giám định của bị cáo Nguyễn Đức D.

[4] Căn cứ lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 09 giờ 15 phút ngày 06/6/2019, tại nhà số 28A1 tổ K, khu phố 3B, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Đức D đã có hành vi truy cập trang mạng sgd777.com, đăng nhập tài khoản đánh bạc tên "ml03", mật khẩu "797979" chọn hình thức "chơi xóc đĩa" để nghi bạc và được thua trực tiếp bằng tiền với Phạm Thị Thùy Tr, Phạm Thị Xuân M, Nguyễn Minh T. Trong đó, bị cáo D chuẩn bị 15.000.000 đồng để đánh bạc; bị cáo Đ là người cung cấp tài khoản trang mạng đánh bạc cho D, đồng thời giữ vai trò cảnh giới để bị cáo D và các bị cáo khác thực hiện việc đánh bạc; bị cáo Tr mang theo 200.000 đồng để đánh bạc; bị cáo M mang theo 600.000 đồng để đánh bạc; bị cáo T mang theo 140.000 đồng để đánh bạc. Căn cứ hướng dẫn tại điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì đây là trường hợp nhiều người cùng tham gia đánh bạc với nhau nên số tiền được xác định vào việc đánh bạc là 15.940.000 đồng.

Bản án sơ thẩm số: 216/2019/HS-ST ngày 28-11-2019 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã áp dụng điểm c khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Đức D, Trần Thị Đ, Phạm Thị Xuân M và Phạm Thị Thùy Tr để xử phạt các bị cáo về tội "Đánh bạc" là đúng người, đúng tội, không oan sai. Lập luận trên đây cũng là căn cứ không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Xuân M đề nghị xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết "phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn" tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo là chưa phù hợp, bởi khách thể xâm phạm của tội đánh bạc là trật tự công cộng, không có hậu quả vật chất do hành vi phạm tội xảy ra trên thực tế nên không thuộc trường hợp "phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại". Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng lại pháp luật như lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[5] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Đức D, Trần Thị Đ, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Trước phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính mà cấp sơ thẩm tuyên phạt. Xét, đây là tình tiết mới nên Hội đồng xét xử ghi nhận, áp dụng tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017. Tuy nhiên, xét tính chất, vai trò

của bị cáo D trong vụ án là người cầm đầu, bị cáo Đ là người có nhân thân xấu, từng 02 lần bị kết án về hành vi "Tổ chức đánh bạc", "Đánh bạc" nên cần có mức án nghiêm như bản án sơ thẩm đã tuyên phạt mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Phạm Thị Xuân M, Phạm Thị Thùy Tr, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo M có cha là ông Phạm Quốc Tuấn là người có công, được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất; bị cáo Tr có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đã ly hôn, đang trực tiếp nuôi 02 con nhỏ nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi lượng hình đối với các bị cáo M và Tr

Xét các bị cáo M, Tr tham gia đánh bạc với số tiền không lớn và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo M, Tr.

Đối với nội dung kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Đức D, Trần Thị Đ, Phạm Thị Thùy Tr. Hội đồng xét xử nhận thấy, các bị cáo D, Đ bị xử phạt 03 (ba) năm 06 (tháng) tù; bị cáo Phạm Thị Thùy Tr là người có nhân thân xấu từng bị kết án về cùng hành vi "Đánh bạc" nên không đủ điều kiện cho bị cáo hưởng án treo theo quy định của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Các bị cáo Nguyễn Đức D, Trần Thị Đ phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các bị cáo Phạm Thị Xuân M, Phạm Thị Thùy Tr không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức D, Trần Thị Đ.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị Xuân M, Phạm Thị Thùy Tr và sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thơi hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Đ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù "Đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Xuân M 02 (hai) năm tù "Đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thùy Tr 02 (hai) năm tù "Đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

(Ghi nhận các bị cáo Nguyễn Đức D, Trần Thị Đ, mỗi bị cáo đã nộp lại số tiền 8.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0045800 ngày 09/3/2020 và biên lai số AA/2019/0045802 ngày 09/3/2020 nộp tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh)

Căn cứ Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự,

Buộc các bị cáo Nguyễn Đức D, Trần Thị Đ, mỗi bị cáo nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Phạm Thị Xuân M, Phạm Thị Thùy Tr không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại Tp. HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận 12; (2)
- P.PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (4)
- THADS Quận 12; (1)
- TAND Quận 12; (2)
- Công an Quận 12; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (21) (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Hương Giang